

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Đặng Ngọc Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TLPT-DS ngày 08/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Trọng B, sinh năm 1945; bà Ngô Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số 374 Lý Thường Kiệt, tổ 20, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: ông Bùi Thị T, sinh năm 1959; bà Lê Thị M (tên gọi khác: Lê Thị H), sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn 8, xã Liên Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Bùi Thị T – Bị đơn.

(Bà T, ông T và bà M có mặt; ông Bắc có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị T và ông Lê Trọng B thì:

Ngày 29-12-2015 ông Tâm, bà Bắc có bán cho ông T, bà Hiệp 2.600kg cà phê nhân khô đủ độ theo giá 37.000đ/kg nhưng không trả tiền, đến ngày 02-01-2016 ông T, bà Hiệp viết giấy nhận nợ; Sau đó bán tiếp cho ông T, bà Hiệp 260kg cà phê nhân nữa và cũng không trả tiền và viết giấy nhận nợ 2.860kg cà phê nhân và hẹn đến ngày 01-06-2016 trả nhưng ông T, bà Hiệp không trả đúng hẹn như đã cam kết.

Nay ông Tâm, bà Bắc khởi kiện yêu cầu ông T, bà Hiệp trả 2.860kg cà phê nhân khô đủ độ với giá 38.000đ/kg thành tiền 108.680.000đ. Việc ông T trình bày đã trả tiền và trừ tiền mua phân nhiều lần tổng cộng 35.580.000đ là không có.

Bị đơn ông Bùi Thị T trình bày: Việc mua bán cà phê nhân và thỏa thuận như ông Bắc, bà T đã trình bày là đúng. Sau khi mua thì vợ chồng đã trả dần cho ông Bắc, bà T một số tiền và bán phân bón cho ông Bắc, bà T với tổng số tiền là 35.580.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên xin trả số cà phê 2.860kg theo giá hiện nay và đề nghị ông Bắc, bà T trừ bớt số tiền đã trả 35.580.000đ.

Toà án đã tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Trọng B, bà Ngô Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với ông Bùi Thị T, bà Lê Thị M (tên gọi khác: Lê Thị H).

Buộc ông Bùi Thị T, bà Lê Thị M (tên gọi khác: Lê Thị H) có trách nhiệm trả cho ông Lê Trọng B, bà Ngô Thị T số tiền 108.680.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 05/8/2021 ông Bùi Thị T đã làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D theo hướng yêu cầu khấu trừ số tiền 35.580.000đ vợ chồng ông T đã trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Bắc, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông T vẫn giữ nguyên kháng cáo đồng thời xuất trình 01 bản chính giấy trả phân, tiền có chữ ký xác nhận của bà T và đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T. Nguyên đơn không kháng cáo, sau khi được xem tài liệu, chứng cứ do ông T xuất trình thì bà T đồng ý trừ số phân và tiền tổng cộng là 24.000.000đ mà bà T có ký xác nhận, đối với phần bà M ghi thêm phía dưới không có chữ ký xác nhận của bà T nên bà T không thừa nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà Hiệp cung cấp chứng cứ là giấy trả nợ số tiền là 35.580.000đ. Tuy nhiên, tại giấy trả nợ chỉ thể hiện bà T đã ký phần trả nợ là 24.000.000đ, số tiền còn lại 11.850.000đ bà không ký và bà T chỉ thừa nhận tiền trả nợ mà bà ký là 24.000.000đ và không thừa nhận số tiền còn lại. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, về việc ông T đã trả cho bà T số tiền 24.000.000đ như vậy số tiền còn lại mà ông T phải trả là 84.680.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông T; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông T phải trả cho bà T số tiền là 84.680.000đ và miễn án phí cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bắc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bắc theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thị T thì:

[3.1] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc mua bán cà phê với nhau và hiện ông T, bà M còn nợ ông Bắc, bà T 2.860kg cà phê nhân khô chưa trả tiền theo “Giấy biên nhận nợ” có nội dung: *ngày 02-1-2016 ông Bùi Thị T có nợ anh chị Bắc Tâm một số cà phê nhân là 2.600kg. Tổng số cà phê nợ chị Tâm Bắc 2.600 + 260kg = 2.860kg. 1.6.2016 trả nợ* (Bức lục 31), do nguyên đơn cung cấp là

đúng. Nay nguyên đơn ông Bắc bà T yêu cầu ông T, bà Hiệp trả số cà phê nhân 2.860kg với giá 38.000đ/kg thành tiền 108.680.000đ và không yêu cầu tính lãi.

[3.2] Ông T cho rằng đã trả tiền và bán phân cho ông Bắc, bà T nhiều lần, tổng cộng là 35.580.000đ nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm do bà M đi điều trị bệnh tại Thành Phố Hồ Chí Minh nên không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà M cung cấp chứng cứ là giấy trả nợ số tiền là 35.580.000đ. Tuy nhiên, tại giấy trả nợ chỉ thể hiện bà T đã ký xác nhận tổng cộng số tiền và phân đã trả là 24.000.000đ; Đối với phần còn lại tổng cộng số tiền và phân đã trả là 11.850.000đ bà M viết nhưng bà T không ký xác nhận và bà T không thừa nhận. Bà T đồng ý trừ số tiền 24.000.000đ đã nhận của ông T bà M và yêu cầu bị đơn ông T bà M trả số tiền: $2.860\text{kg} \times 38.000\text{đ/kg} = 108.680.000\text{đ}$ – số tiền đã trả $24.000.000\text{đ} = 84.680.000\text{đ}$.

[4] Về án phí: ông Bùi Thi T, sinh năm 1959, đến thời điểm xét xử ông T là người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 và ông T có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T là có căn cứ. Còn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông T, bà M phải trả cho bà T số tiền là 84.680.000đ và miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thi T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Trọng B, bà Ngô Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với ông Bùi Thi T, bà Lê Thị M (tên gọi khác: Lê Thị H).

Buộc ông Bùi Thị T, bà Lê Thị M (tên gọi khác: Lê Thị H) có trách nhiệm trả cho ông Lê Trọng B, bà Ngô Thị T số tiền 84.680.000đ (*Tám mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T. Buộc bà M phải chịu 2.117.000đ (*Hai triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng

Huỳnh Châu Thạch

Nguyễn Văn Thanh

